

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn  
Nậm Nhùn và vùng phụ cận đến năm 2035**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Luật kiến trúc ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 về QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 về quy định hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 35/2023/NĐ-CP ngày 0/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 16/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nậm Hàng, huyện Mường Tè (nay là thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu);*

*Căn cứ Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Nậm Nhùn và vùng phụ cận đến năm 2035.*

*Căn cứ Thông báo số 905-TB/TU ngày 29/01/2024 của Tỉnh ủy Lai Châu về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 29/01/2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 308/TTr-SXD ngày 29/02/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Nậm Nhùn và vùng phụ cận đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên đồ án:** Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Nậm Nhùn và vùng phụ cận đến năm 2035.

**2. Quy mô, phạm vi lập quy hoạch:**

**2.1. Quy mô nghiên cứu quy hoạch:** Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung là toàn bộ ranh giới của thị trấn Nậm Nhùn và vùng phụ cận gồm một phần giáp xã Nậm Manh và xã Nậm Hàng với quy mô 3.747,84 ha.

- Ranh giới lập quy hoạch phát triển đô thị có quy mô khoảng 2.433,98ha, trong đó:

+ Diện tích thuộc thị trấn Nậm Nhùn có quy mô khoảng: 1.712,51ha

+ Diện tích mở rộng thuộc xã Nậm Manh có quy mô khoảng: 226,21ha

+ Diện tích mở rộng thuộc xã Nậm Hàng có quy mô khoảng: 495,26 ha

- Dân số quy hoạch dự kiến đến năm 2035 khoảng: 15.400 người.

**2.2. Vị trí, phạm vi ranh giới nghiên cứu:**

- Phía Đông giáp xã Nậm Hàng và xã Nậm Manh;

- Phía Tây giáp xã Nậm Hàng và xã Nậm Manh;

- Phía Nam giáp xã Nậm Manh;

- Phía Bắc giáp xã Nậm Hàng.

### **2.3. Giai đoạn quy hoạch:** Đến năm 2035.

**3. Đơn vị lập quy hoạch:** Công ty Cổ phần Kiến trúc đầu tư và thương mại Việt Nam.

## **4. Mục tiêu, tính chất**

### **4.1. Mục tiêu**

- Mục tiêu chung: Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu, tỷ lệ 1/5.000 đến năm 2035 đạt các chỉ tiêu về quy mô diện tích, dân số, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V theo định hướng phát triển bền vững cho giai đoạn tiếp theo; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của huyện, của tỉnh, của quốc gia.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu, tỷ lệ 1/5.000 đến năm 2035.

+ Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V, xây dựng đô thị mang đậm tính văn minh, hiện đại, thể hiện bản sắc của đô thị vùng núi và phù hợp với đặc thù riêng, có nền công nghiệp, dịch vụ và du lịch phát triển, có môi trường xanh sạch đẹp.

+ Xác định các nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đối với các khu chức năng các không gian đặc trưng tại khu vực lập quy hoạch; làm cơ sở để lập các đồ án quy hoạch chi tiết, cơ sở pháp lý cho việc hoạch định kế hoạch đầu tư, phân kỳ đầu tư cho các dự án đầu tư hạ tầng kiến trúc, kỹ thuật ngắn hạn, dài hạn trên địa bàn thị trấn.

Xác định khung kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện, làm cơ sở hoạch định các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn và huy động các nguồn lực đầu tư.

### **4.2. Tính chất đô thị:**

Thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá, thương mại, dịch vụ của huyện.

**5. Dự báo quy mô dân số, lao động lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật áp dụng**

### 5.1. Dự báo quy mô dân số, lao động

- Dân số hiện trạng năm 2021: 4.762 người
- Dự báo dân số đến năm 2035: 15.400 người

### 5.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

Các chỉ tiêu cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật đảm bảo kế thừa theo Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 16/04/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nậm Hàng nay là thị trấn Nậm Nhùn; tuân thủ theo QCVN 01:2021 ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; phù hợp với tiêu chí đô thị loại V quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị

**Bảng chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật**

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đồ án	Chỉ tiêu theo quy chuẩn
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về sử dụng đất</b>			
1.1	Đất dân dụng bình quân toàn đô thị	m <sup>2</sup> /người	97,10	70-100
1.2	Đất công trình giáo dục			
	<i>Đất công trình giáo dục THPT</i>	<i>hs/1000 dân</i>	73,32	40
		<i>m<sup>2</sup>/chỗ học</i>		10
	<i>Đất công trình giáo dục THCS</i>	<i>hs/1000 dân</i>	25,60	55
		<i>m<sup>2</sup>/chỗ học</i>		10
	<i>Đất công trình giáo dục tiểu học</i>	<i>hs/1000 dân</i>		65
		<i>m<sup>2</sup>/chỗ học</i>		10
	<i>Đất công trình giáo dục mầm non</i>	<i>cháu/1000 dân</i>		50
		<i>m<sup>2</sup>/chỗ học</i>		12
1.3	Đất cây xanh, TDTT đô thị	m <sup>2</sup> /người	8,81	≥4
1.4	Đất công trình công cộng cấp đô thị	m <sup>2</sup> /người	36,02	≥ 2,5

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu về tầng kỹ thuật</b>			
2.1	Giao thông			
	Tỷ lệ đất giao thông	% đất xây dựng	14,48	$\geq 13$
2.2	Cấp nước			
	Sinh hoạt (Qsh)	l/ng.ngđ	120-150	$\geq 80$
	Công cộng, dịch vụ	% Qsh	10	$\geq 10$
	Công nghiệp	m <sup>3</sup> /ha.ngđ	8	$\geq 8$
	Tỷ lệ cấp nước	%	100	90
2.3	Cấp điện			
	Sinh hoạt	W/người	330	$\geq 200$
	Công cộng, dịch vụ	% sinh hoạt	30	$\geq 30$
	Công nghiệp	kW/ha	250	120-350
2.4	Thoát nước thải			
	Sinh hoạt	l/ng.ngđ	120-150	$\geq 80$
	Công cộng, dịch vụ	% Qsh	10	$\geq 10$
	Công nghiệp	m <sup>3</sup> /ha.ngđ	8	$\geq 8$
	Tỷ lệ thoát nước	%	100	$\geq 80$
2.5	Chất thải rắn			
	Sinh hoạt	Kg/người.ngày	0,9	$\geq 0,8$
	Công nghiệp	Tấn/ha.ngày	0,3	0,3 (thu gom 100%)

## 6. Nội dung quy hoạch

**6.1. Cấu trúc đô thị, phân vùng phát triển:** Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển và địa hình của thị trấn Nậm Nhùn, lựa chọn mô hình phát triển đô thị theo chuỗi, kết hợp tuyến theo trục đường chính ĐT.127 và phát triển mạng lưới giao thông đô thị kết nối trực tiếp với ĐT.127.

## **6.2. Định hướng phát triển không gian tổng thể đô thị**

- Giải quyết các vấn đề của quy hoạch đã duyệt:
- + Xác định lại ranh giới khu vực phát triển đô thị.
- + Cấu trúc lại mạng lưới giao thông với các định hướng:
- + Định hướng tuyến đường tránh trung tâm thị trấn Nậm Nhùn về phía Bắc thị trấn.
- + Phát triển các trục giao thông nội thị, xây dựng hướng tuyến giao thông du lịch bờ Nam dọc sông Đà; định hướng kết nối 2 bên bờ sông Đà qua các cầu vượt sông.
- + Đa dạng hóa chức năng sử dụng đất đáp ứng cho mô hình phát triển kinh tế đa ngành.
- + Phát triển mở rộng quỹ đất phát triển đô thị về phía Bắc thị trấn, phía Nam xây dựng các mô hình du lịch dưới tán rừng, tận dụng địa hình với cao độ tốt phù hợp xây dựng các công trình sinh thái có tầm nhìn sâu rộng bao quát toàn cảnh không gian thị trấn.
- Chiến lược phát triển nội tại
- + Phát triển du lịch về tham quan di tích, du lịch sinh thái, xây dựng các mô hình du lịch trải nghiệm, khám phá.
- + Chuyển đổi mô hình sản xuất từ nông lâm nghiệp sản lượng thấp sang phát triển nông nghiệp công nghệ cao sạch kết hợp du lịch trong đó phát triển mạnh mẽ các công viên cây xanh chuyên đề, công viên hoa.
- + Phát triển các hạng mục hậu cần cụm công nghiệp và phụ trợ cho du lịch, nông nghiệp.

## **6.3. Quy hoạch sử dụng đất:**

- Quy hoạch sử dụng đất toàn khu: Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch khoảng 3.747,84ha trong đó:
  - \* Quy mô đất thuộc thị trấn Nậm Nhùn khoảng 3.026,37ha, trong đó:
    - Đất xây dựng phát triển đô thị có diện tích khoảng 1.712,51ha, chiếm tỷ lệ 56,59%, bao gồm:
      - + Khu đất dân dụng có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 259,86ha, chiếm tỷ lệ 8,59%.

+ Khu đất ngoài dân dụng có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 630,46ha, chiếm tỷ lệ 20,83%.

+ Khu đất nông nghiệp và các chức năng khác có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 822,19ha, chiếm tỷ lệ 27,17%.

- Đất ngoài xây dựng phát triển đô thị có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 1.309,77ha, chiếm tỷ lệ 43,41%.

\* Quy mô đất thuộc vùng phụ cận (thuộc xã Nậm Manh và xã Nậm Hàng) khoảng 721,47ha, trong đó:

- Đất nhóm nhà ở có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 30,76ha, chiếm tỷ lệ 4,26%;

- Đất dịch vụ, du lịch có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 37,86ha, chiếm tỷ lệ 5,25%;

- Đất cây xanh sử dụng hạn chế có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 40,54ha, chiếm tỷ lệ 5,62%;

- Đất dự trữ phát triển có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 17,29ha, chiếm tỷ lệ 2,40%;

- Đất nông nghiệp có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 24,26ha, chiếm tỷ lệ 3,36%;

- Đất rừng sản xuất có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 450,27ha, chiếm tỷ lệ 62,41%;

- Các loại đất khác có quy mô diện tích đến năm 2035 khoảng 120,51ha.

Bảng thống kê tổng hợp chức năng sử dụng đất theo giai đoạn

Stt	Chức năng sử dụng đất	Giai đoạn đến năm 2025			Giai đoạn đến năm 2035				Ghi chú
		Diện tích	Tỷ lệ	Dân số quy hoạch	Diện tích	Tỷ lệ	Chỉ tiêu	Dân số quy hoạch	
		(ha)	(%)	(người)	(ha)	(%)	(m <sup>2</sup> /người)	(người)	
<b>A+B</b>	<b>Quy mô lập quy hoạch</b>	<b>3.747,84</b>	<b>100,00</b>	<b>8.100</b>	<b>3.747,84</b>			<b>15.400</b>	
<b>I+B</b>	<b>Quy mô ranh giới lập quy hoạch phát triển đô thị</b>	<b>2.433,98</b>			<b>2.433,98</b>				
<b>A</b>	<b>Quy mô đất thuộc thị trấn Nậm Nhùn</b>	<b>3.026,37</b>	<b>100,00</b>		<b>3.026,37</b>	<b>100,00</b>			
<b>I</b>	<b>Quy mô đất xây dựng phát triển đô thị</b>	<b>1.712,51</b>	<b>56,59</b>		<b>1.712,51</b>	<b>56,59</b>			
<b>1</b>	<b>Khu đất dân dụng</b>	<b>162,17</b>	<b>5,36</b>		<b>259,86</b>	<b>8,59</b>	<b>97,10</b>		Áp dụng 40% đất nhóm ở không bao gồm đất nông nghiệp gắn liền nhà ở.
1.1	Đất nhóm nhà ở	71,88	2,38		82,71	2,73			
1.2	Đất ở hỗn hợp nhóm nhà ở - dịch vụ	16,83	0,56		86,72	2,87			
1.3	Đất trường THPT	4,52	0,15		4,52	0,15	73,32		
1.4	Đất trường THCS, TH, MN	6,70	0,22		6,70	0,22	25,60		
1.5	Đất công cộng đô thị	41,98	1,39		55,48	1,83	36,02		
1.6	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	1,31	0,04		1,31	0,04			
1.7	Đất cây xanh cấp đô thị	10,09	0,33		13,57	0,45	8,81		
1.8	Đất HTKT cấp đô thị	8,86	0,29		8,86	0,29			
<b>2</b>	<b>Khu đất ngoài dân dụng</b>	<b>561,37</b>	<b>18,55</b>		<b>630,46</b>	<b>20,83</b>			
2.1	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	33,72	1,11		33,72	1,11			
2.2	Trung tâm đào tạo nghiên cứu	2,34	0,08		2,34	0,08			
2.3	Cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	16,82	0,56		16,82	0,56			

Bảng thống kê tổng hợp chức năng sử dụng đất theo giai đoạn

Stt	Chức năng sử dụng đất	Giai đoạn đến năm 2025			Giai đoạn đến năm 2035				Ghi chú
		Diện tích	Tỷ lệ	Dân số quy hoạch	Diện tích	Tỷ lệ	Chỉ tiêu	Dân số quy hoạch	
		(ha)	(%)	(người)	(ha)	(%)	(m <sup>2</sup> /người)	(người)	
2.4	Dịch vụ, du lịch	-	0,00		64,15	2,12			
2.5	Trung tâm y tế	3,55	0,12		3,55	0,12			
2.6	Trung tâm văn hóa, TDTT	7,02	0,23		9,66	0,32			
2.7	Cây xanh sử dụng hạn chế	232,86	7,69		232,86	7,69			
2.8	Cây xanh chuyên dụng	19,12	0,63		19,12	0,63			
2.9	An ninh	4,84	0,16		4,84	0,16			
2.10	Quốc phòng	41,06	1,36		41,06	1,36			
2.11	Đất dự trữ phát triển	0,33	0,01		2,63	0,09			
2.12	Hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	102,17	3,38		102,17	3,38			
2.13	Đất nghĩa trang	2,84	0,09		2,84	0,09			
2.14	Giao thông đô thị	94,70	3,13		94,70	3,13			
<b>3</b>	<b>Khu đất nông nghiệp và các chức năng khác</b>	<b>988,97</b>	<b>32,68</b>		<b>822,19</b>	<b>27,17</b>			
3.1	Đất nông nghiệp	104,83	3,46		20,63	0,68			
3.2	Đất rừng sản xuất	683,15	22,57		605,50	20,01			
3.3	Đất chưa sử dụng	5,59	0,18		2,96	0,10			
3.4	Mặt nước ( ao, hồ, đầm, sông, suối,...)	195,40	6,46		193,10	6,38			

Bảng thống kê tổng hợp chức năng sử dụng đất theo giai đoạn

Stt	Chức năng sử dụng đất	Giai đoạn đến năm 2025			Giai đoạn đến năm 2035				Ghi chú
		Diện tích	Tỷ lệ	Dân số quy hoạch	Diện tích	Tỷ lệ	Chỉ tiêu	Dân số quy hoạch	
		(ha)	(%)	(người)	(ha)	(%)	(m <sup>2</sup> /người)	(người)	
<b>II</b>	<b>Quy mô ngoài ranh đất xây dựng phát triển đô thị</b>	<b>1.309,77</b>	<b>43,41</b>		<b>1.309,77</b>	<b>43,41</b>			
1	Đất nhóm nhà ở	2,01	0,07		2,01	0,07			
2	Đất công cộng	0,26	0,01		0,26	0,01			
3	Đất cây xanh	0,17	0,01		0,17	0,01			
4	Dịch vụ, du lịch	5,22	0,17		5,22	0,17			
5	Trung tâm văn hóa, TDTT	0,17	0,01		0,17	0,01			
6	Cây xanh sử dụng hạn chế	28,24	0,93		28,24	0,93			
7	Quốc phòng	15,29	0,51		15,29	0,51			
8	Đất nông nghiệp	17,23	0,57		17,23	0,57			
9	Đất rừng sản xuất	1.139,37	37,65		1.139,37	37,65			
10	Đất chưa sử dụng	43,41	1,43		43,41	1,43			
11	Mặt nước ( ao, hồ, đầm, sông, suối,...)	58,39	2,06		58,39	2,06			
<b>B</b>	<b>Vùng phụ cận (thuộc xã Nậm Mạnh và xã Nậm Hàng)</b>	<b>721,47</b>	<b>100,00</b>		<b>721,47</b>	<b>100,00</b>			
1	Đất nhóm nhà ở	24,64	3,42		30,76	4,26			
2	Đất trường THCS, TH, MN	1,64	0,23		1,64	0,23			
3	Đất công cộng đô thị	3,17	0,44		3,17	0,44			

Bảng thống kê tổng hợp chức năng sử dụng đất theo giai đoạn

Stt	Chức năng sử dụng đất	Giai đoạn đến năm 2025			Giai đoạn đến năm 2035				Ghi chú
		Diện tích	Tỷ lệ	Dân số quy hoạch	Diện tích	Tỷ lệ	Chỉ tiêu	Dân số quy hoạch	
		(ha)	(%)	(người)	(ha)	(%)	(m <sup>2</sup> /người)	(người)	
4	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	0,35	0,05		0,35	0,05			
5	Đất cây xanh cấp đô thị	2,38	0,33		2,38	0,33			
7	Dịch vụ, du lịch	-	0,00		37,86	5,25			
8	Trung tâm văn hóa, TDTT	0,89	0,12		0,89	0,12			
9	Cây xanh sử dụng hạn chế	40,54	5,62		40,54	5,62			
10	Cây xanh chuyên dụng	10,41	1,44		10,41	1,44			
11	An ninh	-	0,00		0,22	0,03			
13	Đất dự trữ phát triển	-	0,00		17,29	2,40			
14	Hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	7,68	1,06		7,68	1,06			
15	Đất nghĩa trang	1,36	0,19		1,36	0,19			
16	Đất nông nghiệp	41,77	5,79		24,26	3,36			
17	Đất rừng sản xuất	494,24	68,50		450,27	62,41			
18	Mặt nước ( ao, hồ, đầm, sông, suối,...)	71,76	9,95		71,76	9,95			
19	Giao thông	18,62	2,58		20,62	2,86			

## 6.4. Thiết kế đô thị

- Định hướng tổ chức không gian khu trung tâm:

+ Trung tâm hành chính với các công trình dạng hợp khối mang hình thức kiến trúc đương đại, được thiết kế và kiểm soát tốt, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật. Tổ chức trung tâm hành chính theo lối kiến trúc hiện đại, tập trung, tạo điểm nhấn đô thị và tối ưu hiệu quả làm việc, phối hợp giữa các cơ quan hành chính.

+ Bên cạnh chức năng chính là hành chính - chính trị, phát triển các chức năng khác như thương mại, dịch vụ, nhà ở hỗn hợp.

- Mở rộng các không gian xanh kết hợp quảng trường tại vị trí trung tâm của khu hành chính, vừa là nơi tổ chức các hoạt động hội nghị, sự kiện tập trung đông người.

- Thiết kế không gian cảnh quan mở với tiêu chí tạo nên một trung tâm hành chính hiện đại, thân thiện cho thị trấn Nậm Nhùn nói riêng, huyện Nậm Nhùn nói chung.

- Xây dựng tuyến phố hiện đại với đầy đủ các trang thiết bị đô thị (chiếu sáng, ghế băng, thùng rác, biển hiệu giao thông...).

- Kiểm soát tốt kiến trúc công trình mặt phố: Thống nhất khoảng lùi, chiều cao xây dựng các tầng nhà, màu sắc và vật liệu công trình phù hợp, hệ thống biển hiệu quảng cáo được kiểm soát tốt về kích thước, vị trí... để hình thành cảnh quan phố thương mại hiện đại, đồng bộ.

- Định hướng tổ chức không gian khu vực cửa ngõ

+ Cửa ngõ phía Đông: Kết nối từ khu vực ngã 3 cây xăng lên xã Nậm Hàng với khu vực cụm công nghiệp thị trấn. Các công trình kiến trúc cửa ngõ xây dựng theo hình thái kiến trúc hiện đại, xây dựng hình ảnh khu vực cửa ngõ phía Đông khang trang đồng bộ.

+ Cửa ngõ phía Tây: Khu vực Tây thị trấn xây dựng hình ảnh khu vực cửa ngõ thân thiện với thiên nhiên gắn với cảnh quan mặt nước suối Nậm Nhùn hiện hữu; các công trình kiến trúc xanh mang đặc trưng đồng bào người Thái.

Đề xuất biểu tượng mang vật liệu kiến trúc tre, nứa thân thiện với môi trường kết hợp hài hòa không gian bản làng người Thái tại bản Nậm Nhùn.

- Tổ chức các trục không gian chính

+ Trục chính trong đô thị: Là trục cảnh quan chính của đô thị, không gian cảnh quan dọc trục sẽ được đầu tư xây dựng với chất lượng cao, sinh động với các không gian đóng - mở xen kẽ, các quảng trường, các không gian vui chơi, các khoảng mở cảnh quan hướng về phía thiên nhiên (đồi núi, suối, cánh đồng...).

Các tuyến chính được xác định bao gồm: Tuyến Nguyễn Trãi, Tuyến Lê Thái Tổ, Tuyến Võ Nguyên Giáp...

+ Tuyến đường du lịch phía Nam bờ sông Đà

Là tuyến đường mang tính chất quan trọng nhằm mục đích phát triển khai thác các quỹ đất rừng sản xuất bờ nam sông Đà. Việc phát triển mô hình du lịch sinh thái dưới tán rừng dọc các tuyến đường này đảm bảo tầm nhìn rộng lớn, khả năng cảm thụ tối đa cảnh quan dòng sông Đà và đặc trưng khu vực. Tuyến đường này cũng hạn chế cho phép xe tải trọng lớn lưu thông để hạn chế ô nhiễm khói bụi và tiếng ồn.

- Tổ chức không gian quảng trường

Hệ thống không gian công cộng, không gian xanh cấp đô thị thị trấn được quy hoạch phân tán để có thể phục vụ được tốt nhất người dân và khách du lịch tại tất cả các khu vực trong đô thị. Các không gian này bao gồm các quảng trường, vườn hoa, công viên chuyên đề, công viên ven các suối ...

- Tổ chức không gian tại các điểm nhân đô thị

Tại một số khu vực không quá gần với không gian thiên nhiên có thể đề xuất các công trình có chiều cao tầng vượt trội hơn so với các công trình xung quanh để tạo điểm nhấn.

Tại một số khu vực khác có thể tạo yếu tố điểm nhấn bằng các công trình có kích thước vừa phải nhưng lại có hình thức kiến trúc độc đáo, khác biệt, hấp dẫn.

Tổ chức không gian tại các điểm nhân đô thị:

- Khuyến khích xây dựng các công trình tạo được dấu ấn riêng với việc khai thác các yếu tố bản sắc của địa phương (truyền thống văn hóa, cảnh quan...).

- Sử dụng hệ thống chiếu sáng mỹ thuật, trang trí tại khu vực công trình điểm nhấn để tạo được vẻ đẹp và ấn tượng về ban đêm.

- Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước

+ Tổ chức không gian cây xanh: Nghiên cứu xác định vùng kiến trúc cảnh quan cây xanh chính trong đô thị; quảng trường huyện, các ô đất kí hiệu CXĐT đề xuất tổ chức không gian kiến trúc phù hợp với cảnh quan của đô thị, các tuyến phố chính, trục không gian chính, không gian cây xanh, mặt nước và các điểm nhấn trong đô thị.

+ Tổ chức không gian mặt nước: Không gian mặt nước sông Đà có vai trò là không gian thư giãn, kết hợp công viên giải trí hai bên sông. Hệ thống sinh thái bao trùm dọc theo hai bờ sông giúp điều hòa, là lá phổi xanh cho cả đô thị. Thiết kế cảnh quan tuyến đường dạo ngắm cảnh, cầu cảnh quan, những tuyến đường hòa vào cảnh quan tự nhiên.

+ Không gian mặt nước suối hiện hữu bố trí hành lang cây xanh 2 bờ suối khoảng xanh từ 20m-50m. Nhằm xây dựng bảo vệ suối hiện hữu uốn lượn theo tự nhiên đồng thời tạo quỹ đất xây dựng hình ảnh cảnh quan 2 bên suối, gắn liền không gian mặt nước.

+ Bố trí hồ điều hòa trung tâm thị trấn tại khu vực phía Đông trung tâm hành chính huyện xây dựng hình ảnh công viên chuyên đề nổi bật cho khu vực trung tâm hành chính.

## **6.5. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật**

### **6.5.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông**

#### a) Giao thông đối ngoại

Đường tỉnh 127 (ĐT.127) hiện trạng theo tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, đoạn tuyến qua thị trấn với quy hoạch thành đường nội thị với mặt cắt 36,0m.

#### b) Giao thông nội thị

##### \* Mạng lưới đường:

- Tổ chức mạng lưới đường kết nối ĐT.127 và hệ thống đường hiện có, phục vụ các khu chức năng trong thị trấn.

- Quy hoạch định hướng tuyến đường tránh thị trấn về phía Bắc, điểm đầu cầu Nậm Dòn – điểm cuối trạm y tế thị trấn với mặt cắt ngang khoảng 20,5m.

- Do đặc thù thị trấn Nậm Nhùn nên sẽ tổ chức mạng đường giao thông dạng xương cá bám dọc theo tuyến đường trục chính với các trục đường lớn, kết hợp đường tự do liên hoàn.

+ Tập trung cải tạo nâng cấp hệ thống đường đã có, kết hợp xây dựng mới tạo thành mạng lưới đường liên hoàn phục vụ cho nhu cầu phát triển thị trấn trong tương lai.

##### - Xác định quy mô phân cấp đường:

+ Đường chính đô thị: Mặt cắt 1-1, quy mô lộ giới 36,0m.

+ Đường chính khu vực: Mặt cắt 2-2, quy mô lộ giới từ 30,0m.

+ Đường khu vực: Mặt cắt 3-3, 4-4, quy mô lộ giới từ 16,0m – 20,5m.

+ Đường ngoại thị: mặt cắt 4'-4', 5-5, 6-6 quy mô lộ giới từ 12,0-16,0m.

*(Một số đoạn tuyến đường qua khu dân cư hiện có, khu vực đã xây dựng, khó khăn về mặt bằng cho phép nghiên cứu điều chỉnh giảm cục bộ chiều rộng hệ đường, dải phân cách nhưng vẫn phải đảm bảo số làn xe theo yêu cầu. Các tuyến đường có thể được điều chỉnh hướng tuyến cũng như quy mô tuyến trong quá trình lập dự án để phù hợp với hiện trạng nhưng phải có luận cứ rõ ràng).*

- Cơ sở phục vụ giao thông bến xe

Hiện nay thị trấn Nậm Nhùn đã có 1 bến xe khách huyện Nậm Nhùn nằm cạnh chợ Nậm Nhùn với quy mô khoảng 0,39ha. Định hướng trong giai đoạn đến năm 2025 di chuyển bến xe khách hiện hữu về khu vực ngã 3 xã Nậm Hàng (phía Đông thị trấn, nằm trên ĐT.127 đi thành phố Lai Châu) với quy mô khoảng 0,95ha, đáp ứng theo tiêu bến xe loại 4 trở lên.

Bến xe khách huyện Nậm Nhùn hiện trạng chuyên đổi chức năng sử dụng đất thành đất hỗn hợp.

- Hệ thống bãi đỗ xe:

+ Đối với các bãi đỗ xe tĩnh cần được xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch chi tiết đô thị.

+ Hệ thống bãi đỗ xe trên địa bàn thị trấn được phân thành 2 cấp, bãi đỗ xe cấp huyện và bãi đỗ xe cấp khu ở.

- Xây dựng hệ thống đầu mối giao thông, tổ chức nút giao thông tại một số điểm giao cắt quan trọng giữa đường trục chính đô thị và đường giao thông đối ngoại.

- Chỉ giới đường đỏ

+ Đối các khu vực trục đường chính đô thị ĐT.127, đường chính khu vực và đường giao thông đối ngoại các công trình công cộng, thương mại dịch vụ, công trình hỗn hợp... khoảng lùi được xác định đảm bảo thông tư 01:2021-BXD.

+ Đối với các khu ở hiện trạng, khu ở mới chỉ giới xây dựng được quy định cụ thể ở đồ án QHCT tuân thủ theo các tiêu chuẩn hiện hành.

### **6.5.2. Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật**

a) San nền: Chọn cao độ không chế cốt xây dựng: Do đặc thù địa hình đô thị miền núi, cao độ san nền thị trấn Nậm Nhùn được chia làm 2 khu vực:

- Khu vực 1: Trung tâm thị trấn Nậm Nhùn và khu vực phát triển đô thị xã Nậm Hàng san gạt để tạo mặt bằng thuận lợi cho xây dựng, trong đó khu vực trung tâm thị trấn cao độ san nền trung bình từ 240,0m – 260,0m, khu vực phát triển đô thị xã Nậm Hàng cao độ san nền trung bình từ 270,0m-300,0m.

- Khu vực 2: Khu vực du lịch phía Nam sông Đà hạn chế san gạt. Cao độ san nền theo địa hình tự nhiên. Cao độ địa hình thay đổi đa dạng vì vậy phương án san nền đảm bảo không bị ảnh hưởng của ngập lụt, cao độ không chế cốt xây dựng của các đô thị trong khu vực sẽ bám sát theo địa hình tự nhiên để hạn chế đào đắp và phá hủy mặt phủ tự nhiên.

- Phương án san nền:

+ Các khu vực đô thị hiện hữu xây dựng với mật độ cao (khu trung tâm thị trấn Nậm Nhùn) trong quá trình cải tạo chỉnh trang đô thị chủ yếu san lấp cục bộ để tạo hướng thoát nước cho các khu vực cải tạo. Giữ nguyên cao độ nền hiện hữu trong các khu vực này.

+ Các khu vực phát triển xây dựng mới với mật độ cao, phương án san nền chủ yếu bám theo địa hình, giạt cấp nhằm giảm khối lượng đào đắp.

+ Các khu vực phát triển xây dựng mới với mật độ thấp, giữ nguyên địa hình tự nhiên, chỉ san lấp cục bộ cho từng công trình, hạn chế tối đa đào đắp phá vỡ mặt phủ tự nhiên.

+ Khu vực địa hình có độ dốc cao, chủ yếu là đất xây dựng ít thuận lợi, cần có mật độ xây dựng thấp và các công trình kiến trúc có thiết kế gắn kết với địa hình, tránh san lấp tạo mặt bằng để hạn chế phá vỡ mặt phủ tự nhiên.

+ Tăng cường cải tạo các hồ, sông suối tự nhiên, xây dựng các đập tràn không chế cao độ nước trong hồ theo cao độ địa hình xung quanh nhằm đảm bảo cảnh quan và tạo điều kiện trữ nước trong hồ góp phần làm hồ điều hoà trong từng khu đô thị.

#### b) Giải pháp thoát nước mưa

- Lựa chọn hệ thống thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thoát nước thải:

+ Đối với các khu vực hiện hữu đã xây dựng mạng lưới thoát nước chung, quy hoạch cải tạo thành hệ thống thoát nước riêng hoặc nửa riêng.

+ Đối với các khu vực phát triển mới, triển khai xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với thoát nước thải.

+ Mạng lưới thoát nước mưa sử dụng rãnh tự xây có kích thước từ 600-1200mm, nhằm đảm bảo thoát nước đối với khu vực có địa hình dốc lớn và giảm thiểu chi phí xây dựng.

+ Thiết kế công thu các khu vực thoát có cao độ nền thấp hơn đường (các tuyến đặt công theo cao độ đường giao thông).

+ Các tuyến công chính sẽ bố trí dựa theo địa hình để đảm bảo thu nước tốt, không để nước tràn qua các khu xây dựng.

+ Đối với các tuyến giao thông giáp những khu vực núi cao, bố trí hệ thống mương hở ở chân taluy thu nước trên sườn núi để tránh nước mưa tràn qua mặt đường sau đó thoát ra suối hiện trạng.

+ Nước mưa trong khu vực được thu gom theo hình thức tự chảy, toàn bộ hệ thống thoát nước mưa thoát ra sông Đà và hệ thống suối hiện hữu bằng hệ thống cửa xả.

- Lưu vực thoát nước: Toàn khu vực nghiên cứu chia thành 2 lưu vực lớn: lưu vực phía Bắc sông Đà (bao gồm 7 lưu vực nhỏ) với quy mô khoảng 2.489ha và lưu vực phía Nam sông Đà (bao gồm 5 lưu vực nhỏ) với quy mô khoảng 969ha.

### **6.5.3. Định hướng phát triển hệ thống cấp nước**

\* Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước từ nhà máy nước hiện trạng của huyện khai thác từ suối Nậm Dòn và suối Nậm Hàng kết hợp với khai thác nước ngầm công suất hiện trạng 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước sau khi được xử lý sẽ được bơm vào mạng lưới đường ống cấp cho các khu vực của thị trấn.

\* Định hướng nâng công suất nhà máy đến năm 2035 khoảng: 5.341,47 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

\* Tiêu chuẩn và nhu cầu: Chỉ tiêu cấp nước cho sinh hoạt, công trình công cộng, dịch vụ, nước tưới cây, rửa đường căn cứ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, như sau:

- Cấp nước sinh hoạt:

+ Đến năm 2025: 120 l/ng-ngđ tính cho 100% dân số, tỷ lệ cấp nước 100%.

+ Đến năm 2035: 150 l/ng-ngđ tính cho 100% dân số, tỷ lệ cấp nước 100%.

Nước công trình công cộng: 30% Qsh; nước công nghiệp tập trung: 20 m<sup>3</sup>/ha-ngđ; nước dịch vụ, thương mại, du lịch: 20% Qsh; nước tưới cây, rửa đường: 10% Qsh; nước dự phòng, rò rỉ: 15% Qtổng; nước bản thân trạm xử lý: 4% Qtổng.

- Phương án cấp nước: Nước cấp sinh hoạt được lấy từ nhà máy nước hiện trạng của thị trấn khai thác từ suối Nậm Dòn và suối Nậm Hàng qua hệ thống cấp nước truyền dẫn D200mm.

- Mạng lưới đường ống: Thiết kế tuyến ống truyền dẫn chính chạy dọc theo hướng phát triển đô thị có thể đáp ứng nhu cầu nước của toàn thị trấn trong tương lai. Mạng lưới cấp nước truyền dẫn và phân phối được thiết kế các mạng vòng khép kín kết hợp một số nhánh cụt phù hợp và hoàn chỉnh trong từng giai đoạn xây dựng.

Các tuyến ống phân phối có kích thước D100mm – D200mm được xây dựng dọc theo đường chính khu dân cư. Các tuyến ống này được bao trùm toàn bộ các công trình có nhu cầu dùng nước lớn đảm bảo cung cấp nước an toàn và ổn định.

Các tuyến ống cấp nước được bố trí trên hè đường đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với các công trình ngầm khác

- Cấp nước chữa cháy: Sử dụng thiết kế mạng vòng để đảm bảo an toàn cấp nước. Sử dụng mạng lưới cấp nước chữa cháy chung với mạng lưới cấp nước của toàn thị trấn. Ngoài ra các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp phải có hệ thống phòng

cháy, chữa cháy riêng để chủ động chữa cháy. Thực hiện các biện pháp quản lý kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ để giảm nhu cầu nước cung cấp. Quản lý chặt chẽ hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định

#### **6.5.4. Định hướng phát triển hệ thống điện**

Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho thị trấn Nậm Nhùn được lấy từ lưới điện Quốc gia thông qua trạm biến áp cao thế 110/35/6kV Thủy điện Lai Châu - 1x25MVA.

Lưới điện:

- Điện cao thế: Tuyến đường dây cao thế 220kV và 500kV sẽ được giữ nguyên hướng tuyến và mạng lưới.

+ Tuyến đường dây cao thế 110kV từ TBA 500kV Lai Châu đến TBA 110kV Thủy điện Lai Châu chạy qua khu vực gần thị trấn sẽ được dỡ bỏ và thay đổi hướng tuyến xuống phía Nam khu vực lập quy hoạch. Bên cạnh đó 2 tuyến đường dây cao thế 110kV từ TBA 500kV Lai Châu đi thành phố Lai Châu, 1 tuyến sẽ được giữ nguyên, 1 tuyến sẽ thay đổi để tránh đi qua đất dự trữ phát triển phía Nam TBA 500kV. Chi tiết thay đổi hướng tuyến đường dây 110kV sẽ được xác định cụ thể ở giai đoạn sau.

- Điện trung thế: Lựa chọn hệ thống mạng điện cấp nội có kết cấu theo dạng mạng hình tia. Phương án vận hành cụ thể sẽ được chính xác hóa khi lập dự án chi tiết.

Toàn bộ tuyến điện trung thế sử dụng dây bọc treo trên cột theo sơ đồ 3 pha 3 dây, dây dẫn là dây bọc cách điện XPLE, trực chính với tiết diện 185 mm<sup>2</sup>, 240 mm<sup>2</sup>, 300 mm<sup>2</sup>, nhánh rẽ có tiết diện 120-150mm<sup>2</sup>.

Các đường dây trung thế khi đi qua khu vực đông dân cư, khu vực đã có quy hoạch dân cư nên được thiết kế dự phòng cho đường dây hạ thế đi chung phía dưới.

- Trạm biến áp: Trong phạm vi lập quy hoạch có các trạm biến áp hiện trạng đang vận hành, trước mắt tiến hành giữ nguyên các trạm này. Những TBA đặt tại các khu dân cư, đường đô thị mới thì tiến hành di dời TBA hiện trạng vào phần cây xanh. Các giai đoạn sau khi các tuyến cấp nội được hình thành thì tiến hành nâng cấp công suất các TBA hiện trạng cho đảm bảo cung cấp điện theo nhu cầu phát triển phụ tải theo quy hoạch. Các trạm biến áp xây dựng mới trong khu quy hoạch sử dụng trạm biến áp với 02 cấp điện áp 35(22)/0,4 KV để sau này khi toàn bộ lưới điện của khu vực đồng bộ hóa về 22KV thì các trạm biến áp vẫn vận hành được.

Đối với các khu vực chức năng như công nghiệp, du lịch, công suất và vị trí các trạm biến áp sẽ được cụ thể hóa ở các giai đoạn sau.

#### **6.5.5. Định hướng phát triển hạ tầng viễn thông thụ động**

- Mạng truyền dẫn: Tăng dung lượng các tuyến cáp quang hiện có để tăng dung lượng truyền dẫn liên huyện. Xây dựng mới các tuyến cáp quang đến tất cả các phường, xã để đáp ứng các nhu cầu ứng dụng CNTT, các dịch vụ băng rộng.

+ Cáp quang hóa toàn khu vực, tiếp tục nâng cấp dung lượng mạng cáp quang, nâng tốc độ truyền dẫn lên STM - 4 (622 Mbps) và STM-16 (2,5 Gbps), tăng số lượng cores cáp quang, tăng số lượng các mạch vòng kín ở những khu vực cho phép, nhằm giảm thiểu các sự cố rủi ro trong quá trình truyền dẫn.

- Mạng ngoại vi: Nguồn cấp viễn thông của khu vực lập quy hoạch lấy từ Viễn thông Lai Châu, Viettel chi nhánh Lai Châu truyền dẫn theo tuyến cáp quang truyền dẫn nội tỉnh chạy dọc theo trục đường tỉnh 127.

- Mạng truy nhập Internet: Truy nhập Internet băng rộng sẽ được phát triển theo 2 phương thức qua mạng cáp nội hạt và vô tuyến:

+ Phát triển chủ yếu theo hướng truy nhập Internet qua mạng hữu tuyến.

+ Phát triển chủ yếu theo công nghệ NGN và công nghệ kết nối vô tuyến băng thông rộng Wimax với tốc độ truyền dữ liệu cao, có thể lên tới 100 Mbps, khu vực phủ sóng rộng, khả năng bảo mật cao.

- Mạng thông tin di động:

+ Một số nhà sản xuất phát triển hệ thống thiết bị truy cập mạng vô tuyến có kết cấu gọn nhẹ như các hệ thống Light Radio, không nhất thiết phải lắp đặt trên các hệ thống cột ăng ten. Công nghệ mới giúp làm giảm kích thước của trạm thu phát sóng, chi phí điện năng và vận hành.

+ Cloud RAN (mạng truy nhập vô tuyến đám mây) là một hướng mới, trong đó một trạm phát sóng được phân ra 2 thành phần riêng biệt (BBU, RRH).

#### **6.5.6. Định hướng phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang**

a) Thoát nước thải và xử lý CTR:

Dựa trên cơ sở đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Nậm Nhùn được phê duyệt năm 2014 và các quy hoạch trước đây trong phạm vi thị trấn.

- Giải pháp thoát nước thải sinh hoạt: Đối với khu vực trung tâm thị trấn hiện hữu: nước thải được thu gom chung với hệ thống thoát nước mưa sau đó được tách bằng các giếng tách nước thải, dẫn về trạm xử lý nước thải khu vực phía Đông khu trung tâm thị trấn xử lý toàn bộ nước thải khu vực trung tâm thị trấn.

- Đối với các khu vực có địa hình phức tạp và cách xa trung tâm thị trấn:

+ Nước thải sinh hoạt của khu dân cư hiện hữu sẽ được thu gom chung với hệ thống thoát nước mưa sau đó nước thải được tách ra và đưa về các bể xử lý cục bộ.

+ Nước thải của khu vực phát triển dân cư mới sẽ được thu gom riêng với hệ thống thoát nước mưa và đưa về trạm xử lý nước thải riêng để xử lý cục bộ. Vị trí và công suất trạm xử lý sẽ được tính toán cụ thể ở giai đoạn sau.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt tiêu chuẩn B; đối với các nguồn thải ra dung để sử dụng sinh hoạt phải đạt chuẩn A theo QCVN 14:2008-MT/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Tái sử dụng tối đa nước thải sau xử lý phục vụ các nhu cầu phi sinh hoạt, giảm áp lực cung cấp nước sạch.

Áp dụng công nghệ hiện đại đối với các trạm xử lý nước thải tập trung để tiết kiệm quỹ đất và hạn chế ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

- Giải pháp thoát nước thải công nghiệp: Nước thải các nhà máy được xử lý cục bộ trong nhà máy sau đó đưa về xử lý tại trạm XLNT tập trung của khu, cụm công nghiệp đạt tới giới hạn B theo QCVN 40:2011 trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

- Giải pháp thoát nước thải y tế: Nước thải y tế phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung và khử trùng trước khi thoát ra hệ thống công ngoài đô thị. Nước thải y tế cần được thu gom và xử lý riêng trong từng bệnh viện đạt QCVN 28/2010/BTNMT trước khi thoát ra hệ thống thu gom chung.

- Giải pháp thu gom và xử lý chất thải rắn: Thu gom xử lý chất thải rắn cho khu vực đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thân thiện với môi trường và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của thị trấn sẽ được phân loại thành chất thải rắn vô cơ và hữu cơ, sau đó thu gom và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn.

+ Chất thải rắn nông thôn: Tại các xã ngoại thị sẽ bố trí các điểm tập trung trung chuyển chất thải rắn. Chất thải rắn sẽ được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn của thị trấn.

+ Chất thải rắn cụm công nghiệp: Chất thải rắn của khu công nghiệp trên địa bàn thị trấn sẽ được phân loại, thu gom và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn của thị trấn và xử lý riêng.

+ Chất thải rắn nguy hại: Được thu gom và xử lý riêng tại các công trình như bệnh viện

+ Chất thải rắn được thu gom về nhà máy xử lý rác bằng công nghệ đốt và tận dụng nhiệt làm nhiệt điện (được cụ thể hóa ở giai đoạn sau).

b) Quy hoạch nghĩa trang: Tiêu chuẩn đất xây dựng nghĩa trang: 0,04 ha/1000 người. Nghĩa trang của thị trấn Nậm Nhùn hiện hữu nằm ở gần nguồn nước (sông Đà), không đủ đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường vì vậy sẽ giữ nguyên quy mô, cải tạo chỉnh trang. Trong tương lai, nghĩa trang mới của thị trấn sẽ được quy hoạch tập trung ở phía Bắc khu vực nghiên cứu.

## **7. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường**

- Đánh giá hiện trạng.
- Đánh giá tổng hợp các tác động tới môi trường của đồ án quy hoạch.
- Giải pháp phòng ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực; các giải pháp công nghệ bảo vệ môi trường; giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường.
- Chương trình quan trắc và giám sát môi trường, mục tiêu quan trắc môi trường và nội dung quan trắc môi trường.

**8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:** Ban hành kèm theo Quyết định này.

## **9. Các dự án ưu tiên đầu tư**

- Xây dựng sân vận động, thể dục thể thao huyện quy mô ô đất khoảng: 7,0ha.
- Xây dựng trụ sở cơ quan thị trấn Nậm Nhùn quy mô ô đất khoảng: 1,3ha.
- Xây dựng bến xe mới huyện Nậm Nhùn quy mô ô đất khoảng: 0,95ha.
- Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.127 đoạn tuyến từ trung tâm UBND huyện đến khu vực cầu Nậm Nhùn mặt cắt 36,0m và đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng tuyến đường từ ngã 3 cây xăng Nậm Hàng lên sân vận động đạt mặt cắt 30m.
- Đầu tư xây dựng đoạn tuyến từ khu vực Pa Kéo sang trụ sở công an huyện Nậm Nhùn mặt cắt 36,0m.
- Đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước truyền dẫn, mạng lưới cấp nước phân phối phục vụ nhu cầu nước sạch cho toàn bộ thị trấn với công suất truyền tải giai đoạn năm 2025 khoảng 2.727,39 m<sup>3</sup>/ng.đ.
- Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn với công suất khoảng 3.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. UBND huyện Nậm Nhùn có trách nhiệm**

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định.
- Tổ chức lập, điều chỉnh các quy hoạch chi tiết đảm bảo phù hợp với Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn được duyệt. Xây dựng và ban hành Quy chế

quản lý kiến trúc đô thị làm cơ sở cho quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn; tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới theo quy định.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng, các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nậm Nhùn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: V, C;
- Lưu: VT, Kt2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Giàng A Tính**